

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

Căn cứ Thông tư số 73/2015/TT- BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính- Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Hà Giang tại tờ trình số 81/TTr-STC ngày 27 tháng 3 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Hà Giang với nội dung như sau:

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Đối với xe ô tô chở khách theo tuyến cố định:

- Tuyến nội tỉnh:

+ Cụ ly từ 0 km - 50 km: 1.400 đồng/ghế/luợt xe xuất bến.



+ Cự ly từ 51 km - 300 km: 1.800 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

- Tuyến ngoại tỉnh:

+ Cự ly từ 51 km - 300 km: 2.300 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

+ Cự ly từ 301 km - 500 km: 2.800 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

+ Cự ly từ 501 km - 1.000 km: 3.300 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

+ Cự ly từ 1.001 km - 2.000 km: 4.000 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

+ Cự ly trên 2.000 km: 4.800 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

b) Đối với xe đón, trả khách hoặc bốc dỡ hàng hóa không theo tuyến cố định:

- Xe con, xe tải < 1 tấn: 5.000 đồng/lượt xe xuất bến.

- Xe khách 9 ghế - 30 ghế; xe tải từ >1 tấn - 5 tấn: 10.000 đồng/lượt xe xuất bến.

- Xe khách trên 30 ghế; xe tải >5 tấn: 20.000 đồng/lượt xe xuất bến.

- Xe máy: 3.000 đồng/lượt xe xuất bến.

c) Đối với xe đón, trả khách hoặc bốc dỡ hàng hóa không theo tuyến cố định, thu theo hình thức khoán:

- Xe con, xe tải < 1 tấn: 250.000 đồng/tháng.

- Xe máy: 150.000 đồng/tháng

d) Giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô quy định tại khoản a nêu trên là mức giá áp dụng đối với quy chuẩn bến xe loại 4, được tính bằng 100%. Các bến xe còn lại được tính tăng hoặc giảm 10% so với bến xe loại 4, cụ thể như sau:

- Bến xe loại 1: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 130% bến xe loại 4;

- Bến xe loại 2: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 120% bến xe loại 4;

- Bến xe loại 3: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 110% bến xe loại 4;

- Bến xe loại 5: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 90% bến xe loại 4;

- Bến xe loại 6: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 80% bến xe loại 4;

- Bến xe trên loại 6: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 70% bến xe loại 4.

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách (nguồn vốn xã hội hóa)

a) Đối với xe ô tô chở khách theo tuyến cố định:

- Tuyến nội tỉnh:

+ Cự ly từ 0 km - 50 km: 2.300 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

+ Cự ly từ 51 km - 300 km: 3.200 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.

- Tuyến ngoại tỉnh:

- + Cự ly từ 51 km - 300 km: 4.000 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.
- + Cự ly từ 301 km - 500 km: 4.800 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.
- + Cự ly từ 501 km - 1.000 km: 5.700 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.
- + Cự ly từ 1.001 km - 2.000 km: 6.900 đồng/ghế/lượt xe xuất bến.
- + Cự ly trên 2.000 km: 8.300 đồng/ghế/ lượt xe xuất bến.

b) Đối với xe đón, trả khách hoặc bốc dỡ hàng hóa không theo tuyến cố định:

- Xe con, xe tải < 1 tấn: 10.000 đồng/lượt xe xuất bến.
- Xe khách 9 ghế - 30 ghế; xe tải từ >1 tấn - 5 tấn: 20.000 đồng/lượt xe xuất bến.
- Xe khách trên 30 ghế; xe tải >5 tấn: 30.000 đồng/lượt xe xuất bến.
- Xe máy: 5.000 đồng/lượt xe xuất bến.

c) Đối với xe đón, trả khách hoặc bốc dỡ hàng hóa không theo tuyến cố định, thu theo hình thức khoán:


- Xe con, xe tải < 1 tấn: 500.000 đồng/tháng.
- Xe máy: 200.000 đồng/tháng.

d) Giá dịch vụ xe ra vào bến xe tô tô quy định tại điểm a, khoản 2 điều này là mức giá áp dụng đối với quy chuẩn bến xe loại 1, được tính bằng 100%. Các bến xe còn lại được tính giảm 10% so với bến xe liền kề, cụ thể như sau:

- Bến xe loại 2: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 90% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 3: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 80% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 4: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 70% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 5: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 60% bến xe loại 1;
- Bến xe loại 6: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 50% bến xe loại 1;
- Bến xe trên loại 6: Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính bằng 40% bến xe loại 1.

Điều 2. Giá dịch vụ xe ra vào bến xe khách quy định Điều 1 nêu trên là mức giá tối đa chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Đối với những xe ô tô chở khách (giường nằm): Giá dịch vụ xe ra, vào bến được tính (theo chỗ nằm/lượt xe xuất bến) với mức giá tăng thêm 20% của mức giá tại các tuyến cự ly tương ứng quy định tại Điểm a, Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

Số ghế (hoặc số giường) được tính theo số người cho phép chở ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. 

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 740/2012/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 của UBND tỉnh về Ban hành quy định mức giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện/thành phố; Các đơn vị quản lý, khai thác Bến xe khách trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Vnpti Office;
- Lưu: VT, CV (gt, kt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn